

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN CẦU HOÀI NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN CẦU HOÀI NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703219873

3. Ngày thành lập: 24/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 178 đường 743, Khu phố 2, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0365920751

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4669
12.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
13.	Khai thác và thu gom than non	0520
14.	Khai thác quặng sắt	0710
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299

16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : - Khảo sát xây dựng; (Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; (Điều 92 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; (Điều 93 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; (Điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; (Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Kiểm định xây dựng; (Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. (Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
17.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa)	4690
18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4719
19.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
20.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
21.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
22.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định (Điều 5 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
25.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông; (Điều 4 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5021
26.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa (Khoản 5 Điều 4 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5022
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Loại trừ: Hoạt động hoa tiêu	5222
28.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
29.	Xây dựng nhà ở	4101

30.	Xây dựng nhà không để ở	4102
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Xây dựng công trình thủy	4291
38.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất)	4299
41.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
45.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí.	4773
49.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
50.	Sản xuất than cốc	1910
51.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
52.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
53.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
54.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
55.	Trồng cây mía	0114
56.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
57.	Trồng cây lấy sợi	0116
58.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
59.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
60.	Trồng cây hàng năm khác	0119

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương